

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 118/2018/DS-PT

Ngày 22-6-2018

“V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn**.

Các Thẩm phán:

1. Bà **Đặng Thị Đồng**;
2. Bà **Nguyễn Thị Thúy Phượng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Bùi Toàn**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà **Đặng Thị Châu**, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2017/TLPT-DS ngày 04 tháng 5 năm 2018, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”; do Bản án Dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện D bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 84/2018/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Lê Trung T**, sinh năm 1989; trú tại: Ấp L, xã Lộc N, huyện D, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Bà **Phan Thị B**, sinh năm 1963; trú tại: Ấp L, xã Lộc N, huyện D, tỉnh Tây Ninh (*theo Văn bản uỷ quyền ngày 17-5-2017*); bà B có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà **Trương Thị H**, sinh năm 1966; trú tại: Ấp Th, xã Tr, huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Nguyễn Văn Ng**, sinh năm 1964; trú tại: Ấp Th, xã Tr, huyện D, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

4. *Người kháng cáo:* Bà Trương Thị H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20-4-2017, nguyên đơn anh T trình bày: Do mối quan hệ quen biết nên ngày 09-12-2012, bà H có mượn của anh 1.000 USD (trị giá 21.000.000 đồng) và cam kết một tháng trả nợ. Mục đích bà H mượn tiền để nộp phí cho chị D (con bà H) đi hợp tác lao động ở nước ngoài. Khi mượn tiền, bà H có ký tên vào giấy nhận nợ. Sau đó, anh đòi nợ nhiều lần nhưng bà H cho rằng bà không nợ.

Nay anh T yêu cầu bà H trả cho anh 1.000 USD (tương đương 21.000.000 đồng); anh không yêu cầu tính tiền lãi vay. Đồng thời, anh T không yêu cầu ông Ng (chồng bà H) có nghĩa vụ liên đới cùng bà H trả nợ cho anh.

Bà B là người đại diện theo ủy quyền của anh T trình bày: Bà thống nhất với lời trình bày của anh T.

Bị đơn bà H trình bày: Bà cho rằng lời trình bày của anh T, bà H là không đúng, vì bà không mượn tiền của anh T.

Năm 2012, chị D (con bà H) có nhu cầu đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc; do quen biết nên anh T và bà B cam kết làm thủ tục cho chị D đi xuất khẩu lao động với tổng chi phí là 186.000.000 đồng. Do không thực hiện được chị D đã khởi kiện yêu cầu bà B, anh T trả lại số tiền trên và được Tòa án giải quyết xong. Từ năm 2012 đến nay, anh T chưa lần nào yêu cầu bà trả số tiền nợ này.

Bà không biết viết và cũng không biết ký tên nên bà xác định chữ ký tên “H” trong giấy nhận nợ ngày 09-12-2012 do anh T cung cấp cho Tòa án không phải chữ ký của bà. Nay bà không đồng ý trả nợ theo yêu cầu khởi kiện của anh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Ng trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà H; đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T.

Tại Bản án sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện D đã quyết định:

Căn cứ Điều 160, 161 và Điều 162 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2005; điểm c khoản 1 Điều 688 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Trung T đối với bà Trương Thị H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Bà H có trách nhiệm trả cho anh T số tiền 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng.

Ghi nhận anh T không yêu cầu tính tiền lãi vay và không yêu cầu ông Ng (chồng bà H) liên đới trả nợ cho anh.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án, chi phí giám định, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 05-4-2018, bà Trương Thị H có đơn kháng cáo với nội dung: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Trung T, vì bà không mượn tiền của anh T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu quan điểm về vụ án:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử tại phiên tòa.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Trương Thị H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Do quen biết nhau, ngày 09-12-2012, anh T cho bà H mượn 1.000 USD; khi vay tiền bà H có ký tên vào giấy nhận nợ và cam kết trong thời hạn một tháng trả hết nợ, nhưng đến nay chưa trả. Do anh T và bà H giao dịch bằng ngoại tệ (USD) nên đã vi phạm quy định về quản lý ngoại hối; cấp sơ thẩm buộc bà H có nghĩa vụ trả cho anh T số tiền 21.000.000 đồng (tương đương 1.000 USD) là có căn cứ.

[2] Bà Trương Thị H cho rằng bà không nợ anh T nên bà không đồng ý với bản án sơ thẩm.

Xét kháng cáo của bà H xét thấy: Bà H xác định bà không nợ anh T, bà không ký tên vào giấy nhận nợ; nhưng qua Kết luận giám định số 2910/C54B ngày 07-12-2017 của Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, thuộc Tổng cục Cảnh sát kết luận: “Chữ ký mang tên Trương Thị H dưới mục “Ký tên” trên tài liệu nội dung biên nhận 1000 USD có các từ đầu và cuối như sau: “Lộc N ngày 09/12/2012...Trương Thị H” (ký hiệu A) so với chữ ký mang tên Trương Thị H trên 04 tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người ký ra”, nên Giấy nhận nợ ngày 09-12-2012 do anh T cung cấp thể hiện bà H đã ký tên vào giấy nhận nợ anh T 1.000 USD là có cơ sở chấp nhận.

[3] Bà H kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo, nên bà H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo bà Trương Thị H.
3. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2018/DSST ngày 30 tháng 3 năm 2018, của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Tây Ninh.
4. Áp dụng các Điều 471, 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật Dân sự 2015;
5. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Lê Trung T đối với bà Trương Thị H,

Buộc bà Trương Thị H có nghĩa vụ trả cho anh Lê Trung T số tiền 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng.

Ghi nhận anh T không yêu cầu tính tiền lãi vay và không yêu cầu ông Nguyễn Văn Ng (chồng bà Trương Thị H) liên đới trả nợ cho anh T.

6. Chi phí tố tụng: Bà Trương Thị H có trách nhiệm trả cho anh Lê Trung T số tiền 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng tiền chi phí giám định.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

7. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị H phải chịu 1.050.000 (một triệu, không trăm năm mươi ngàn) đồng.

Hoàn trả cho anh Lê Trung T số tiền 525.000 (năm trăm hai mươi lăm ngàn) đồng, tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo Biên lai thu số: 0015186 ngày 26-4-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Tây Ninh.

8. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trương Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo Biên lai thu số: 0010385 ngày 06-4-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Tây Ninh.

9. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND. TTN;
- TAND huyện D;
- Chi cục THADS huyện D;
- Phòng KTNV&THA. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Quốc Tuấn